

Bản án số: 05 /2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 06- 9 - 2022.

V/v : Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Bình.

ông Phạm Văn Kha.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995

Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: thôn 2, xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2022 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: chị và anh Nguyễn Đức N đăng ký kết hôn ngày 02/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh N sinh sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị B và anh Nguyễn Đức N đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không đạt kết quả, nên đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Những mâu thuẫn trên đã thật sự sâu sắc, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức N.

Về con chung: quá trình chung sống, chị B và anh Nguyễn Đức N có có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày: 31/8/2019. Trong thời gian ly thân, chị B đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu tại thôn L, xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên sau đó anh Nguyễn Đức N đã gây sức ép để buộc chị phải giao con cháu D cho anh N nuôi dưỡng. Nay do hoàn cảnh khó khăn, chưa có nơi ở ổn định nên chị B đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Tòa án: chị Nguyễn Thị B xin chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Bị đơn là anh Nguyễn Đức N. Nhưng anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Trong các ngày 08/07/2022 và 12/7/2022, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại gia đình và nơi cư trú của anh Nguyễn Đức N. Qua xác minh, đại diện gia đình và chính quyền địa phương cho biết: anh Nguyễn Đức N và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn ngày 02/10/2019 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, anh N và chị B sinh sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh N và chị B đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không đạt kết quả nên đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Hiện nay tình trạng hôn nhân của anh N và chị B đã lâm vào trầm trọng. Về con chung: quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N có một con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày: 31/8/2019; Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng bố là anh Nguyễn Đức N tại thôn 2 xã M, huyện H, do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: - Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án mà không có lý do chính đáng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B: Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N. Về con chung: hiện cháu Nguyễn Thị Ngọc D đang sinh sống cùng anh N, chị B đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc, do đó đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N không có tài sản

chung và nợ chung, chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Bị đơn anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên không xét. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Đức N sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2 xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là anh Nguyễn Đức N. Nhưng anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Việc Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh N, chị B có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh ngày 02/10/2019. Hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh N phát sinh do bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã. Vợ, chồng sống mỗi người một nơi và ly thân từ giữa năm 2021 đến nay. Việc anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng tại Tòa án cho thấy anh N cũng không có ý thức xây dựng gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị B và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh N là phù hợp với thực trạng quan hệ hôn nhân của anh, chị; phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày: 31/8/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị B đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh N nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Hội đồng xét xử nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Nguyễn Đức N thấy rằng, thực tế cháu Nguyễn Thị Ngọc D đang ở cùng bố là anh Nguyễn Đức N, do anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Mặt khác, hiện chị B hiện đang làm công nhân, đi ở trọ, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con không đảm bảo. Để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống cũng như tâm lý của trẻ em, cần giao cháu D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Do đó, căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về vấn đề con chung, giao cháu cháu Nguyễn Thị Ngọc D cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2022 đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Đức N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Đức N.
2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Ngọc D, sinh ngày 31/8/2019 cho anh Nguyễn Đức N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục kể từ tháng 09/2022 đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.
3. Về án phí: chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0013577 ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã M, huyện H, tỉnh Quảng Ninh..
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Thúy Chính